TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2022/QĐST-HNGĐ	*Cầu Ngang, ngày 16 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 113/2022/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Sơn Minh N, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Sơn P, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Sơn Minh N và anh Sơn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Sơn Minh N và anh Sơn P tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con tên: Sơn Ngọc Q sinh ngày 27/8/2020, chị Sơn Minh N và anh Sơn P tự thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Chị Sơn Minh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Sơn Ngọc Q sinh ngày 27/8/2020 sau khi ly hôn.

Anh Sơn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trỡ người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị N và anh P không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị N và anh P không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị N và anh P không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Sơn Minh N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008007 ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Sơn Minh N được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã L; Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tranh